TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 146/2024/DS-ST
Ngày: 27-9-2024
V/v: tranh chấp hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Kim Thị Hồng Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bé

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Thị Minh Châu, là Thư Ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Danh - Kiểm sát viên

Trong ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 200/2023/TLST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2023, về việc: tranh chấp hợp đồng góp hụi, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 209/2024/QĐXXST-DS ngày 19/8/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số: 159b/2024/QĐST-DS ngày 12/9/2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu L, sinh năm 1967. Địa chỉ: Ấp An C, xã Tân H, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Tấn Ph, sinh năm 1970. Địa chỉ: Ấp Cây G, xã Hiếu Tr, huyện Tiểu C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt không lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10/10/2023, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu L trình bày, yêu cầu:

Trong năm 2020 và năm 2022 âl, bà có tham gia các dây hụi do vợ chồng bà Kim Thị Gi, ông Nguyễn Tấn Ph làm đầu thảo, chỉ thỏa thuận bằng lời nói, không làm văn bản nhưng có giao danh sách hụi viên, hình thức khui hụi là hụi viên nào bỏ thăm cao nhất thì hốt hụi, sau khi hốt hụi đầu thảo đi gom tiền hụi của các hụi viên, nhưng đến khoảng cuối năm 2022 dl bà Kim Thị Gi chết, sau đó ông Nguyễn Văn Ph không trả lại các phần hụi mà bà đã đóng, gồm các dây hụi như sau:

Dây hụi khui ngày 01/12/2020 (al), loại hụi 1.000.000 đồng/phần, có 21 hụi viên và 21 phần, lần khui hụi đầu tiên vào ngày 10/02/2022 âl, sau đó 01 tháng khui 01 lần, thỏa thuận đầu thảo hưởng hoa hồng 500.000 đồng/lần khui hụi, bà tham gia 01 phần dây 03 và 01 phần dây 04. Cụ thể:

+ Trong dây 03, bà đóng hụi sống được 20 lần, tới lần thứ 21 bà hốt chót với số tiền 20.000.000đ, trừ hoa hồng 500.000đ thì còn 19.500.000đ.

+ Trong dây 04, bà cũng đóng hụi sống được 20 lần, tới lần thứ 21 bà hốt chót với số tiền 20.000.000đ, trừ hoa hồng 500.000đ thì còn 19.500.000đ.

Nhưng vợ chồng ông Ph chưa giao tiền hụi cho ông, nay bà yêu cầu ông Ph trả lại tiền hụi hốt 02 phần bằng 39.000.000đ

Dây hụi khui ngày 30/4/2022 (al), loại hụi 500.000 đồng/phần, có 28 phần, lần khui hụi đầu tiên vào ngày 30/4/2022 âl, sau đó 01 tháng khui 02 lần, thỏa thuận đầu thảo hưởng huê hồng 250.000 đồng/lần khui hụi, bà tham gia 01 phần trong dây 03, bà đóng hụi sống được 08 lần, với số tiền 2.980.000đ; trong đó: Lần 1, đóng bằng 340.000đ; Lần 2, đóng bằng 360.000đ; Lần 3, đóng bằng 370.000đ; Lần 4, đóng bằng 380.000đ; Lần 5, đóng bằng 380.000đ; Lần 6, đóng bằng 380.000đ; Lần 7, đóng bằng 390.000đ; Lần 8, đóng bằng 370.000đ. Đến lần thứ 9 thì úp hụi, nhưng vợ chồng ông Phát chưa trả lại tiền hụi sống, nay bà yêu cầu ông Phát trả tiền hụi sống 2.980.000đ, tiền lãi hụi 1.040.000đ thì bà rút lại, không yêu cầu trả. Như vậy tổng số tiền hụi sống vợ chồng ông Phát chưa trả lại cho bà trong các dây hụi bà tham gia nói trên là 41.980.000đ, bà yêu cầu một mình ông Phát trả, do hiện nay bà Gi đã chết, đối với toàn bộ tiền lãi hụi thì bà rút lại, không yêu cầu trả. Ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

Bị đơn ông Nguyễn Tấn Ph đã được thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không lý do nên không có lời trình bày.

Phát biểu của Kiểm sát viên:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán về việc giải quyết vụ án đối với thẩm quyền giải quyết, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa sơ thẩm đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng phía nguyên đơn chấp hành có mặt theo các thông báo, triệu tập, bị đơn thì vắng mặt không lý do.

Về việc giải quyết vụ án: Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại các phiên tòa, căn cứ vào kết quả diễn biến phiên tòa và phần yêu cầu của nguyên đơn, nhận thấy: yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về số tiền hụi 41.980.000đ là có cơ sở chấp nhận, bởi việc tham gia hụi này có sự xác nhận của những hụi viên cùng tham gia nên đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Ph trả cho bà L tiền hụi sống 41.980.000đ, đối với các khoản tiền lãi hụi mà nguyên đơn rút lại, không yêu cầu thì đề nghị đình chỉ theo quy định; về án phí đề nghị buộc bị đơn chịu toàn bộ và trả lại tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp theo quy định.

Những yêu cầu, kiến nghị đề nghị cần khắc phục: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Sự vắng mặt tại phiên tòa của bị đơn là vắng mặt đến lần thứ hai không ly do, không đề nghị xét xử vắng mặt hoặc vì sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan. Nhận thấy, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đương sự theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, căn cứ vào điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Tại các đơn khởi kiện của bà L ngày 10/10/2023, bà yêu cầu ông Ph trả tiền hụi tổng cộng là 43.000.000đ, là tiền hụi hốt và tiền lãi hụi của dây 03 và dây 04 khui ngày 01/12/2020 âl loại 1.000.000đ/phần, số tiền 39.000.000đ; dây 03 khui ngày 30/4/2022 âl, loại hụi 500.000đ/phần, số tiền 4.000.000đ. Tại các lời trình bày của bà L trong các biên bản và tại phiên tòa, bà giữ yêu cầu khởi kiện đòi ông Ph trả tiền hụi, nhưng có thay đổi, rút phần tiền lãi hụi, số tiền còn lại bà L yêu cầu là 41.980.000đ. Nhận thấy: qua xác nhận của các hụi viên cùng tham gia trong các dây hụi và các danh sách hụi viên tham gia (bút lục từ 54 – 62) thể hiện việc bà L có tham gia các dây hụi do vợ chồng ông Ph làm đầu thảo là có thật, tại thời điểm giải quyết vụ án vợ ông Ph là Kim Thị Gi đã chết (chết năm 2022) nên bà L không yêu cầu đối với bà Gi. Do đó, có cơ sở buộc ông Ph trả cho bà L tiền hụi bằng 41.980.000đ. Đối với tiền lãi hụi 1.020.000đ chênh lệch so với đơn khởi kiện, tại phiên tòa nguyên đơn tự nguyện rút yêu cầu, tuy bị đơn vắng mặt nhưng có lợi cho bị đơn nên có căn cứ đình chỉ xét xử theo điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự và không phải chịu tiền án phí phần đã rút, đương sự được quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[3] Đối với ông Ph, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần, song song đó Tòa án có thông báo bằng cách gọi điện cho ông Ph thông qua số điện thoại ông Ph sử dụng tại thời điểm giải quyết, xét xử vụ án 0977.179.932 và 0384.006.364 và được ông Ph trả lời sẽ có mặt theo Tòa án thông báo, nhưng đương sự vắng mặt không lý do, không có văn bản nêu ý kiến của mình, cũng không có yêu cầu phản tố, coi như họ từ bỏ quyền được bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[4] Quan điểm phát biểu của Kiểm sát viên là có cơ sở, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử như nêu trên, nên có căn cứ chấp nhận

[5] Về án phí: căn cứ vào điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định, buộc bị đơn chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, nguyên đơn không phải chịu án phí và được trả lại tiền tạm ứng án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 244, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi biêu

phường; Căn cứ vào khoản 2 điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

Buộc ông Nguyễn Tấn Ph trả cho bà Nguyễn Thị Thu L, số tiền 41.980.000đ (*bằng chữ:* bốn mươi mốt riệu, chính trăm tám mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án (tất cả các khoản tiền) theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đình chỉ xét xử đối với số tiền 1.020.000đ (*bằng chữ:* một triệu, không trăm hai mươi nghìn đồng) mà nguyên đơn rút yêu cầu, đương sự được quyền khởi kiện lại vụ án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Nguyễn Tấn Ph có nghĩa vụ chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch bằng 2.099.000 đồng.

Trả lại bà Nguyễn Thị Thu L tiền tạm ứng án phí đã nộp 975.000 đồng, theo biên lai thu tiền số: 0000292 ngày 25/12/2023 và tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số: 0000293 ngày 25/12/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS ND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Kim Thị Hồng Nga